

Số: 934/TB-HVTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 03 NĂM 2022
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”; Quyết định số 809/QĐ-HVTC ngày 06/9/2021 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Tài chính”; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ dự kiến năm 2022. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 03 năm 2022 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính – Ngân hàng	9.34.02.01	30
2	Kế toán	9.34.03.01	20

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng, thuộc 01 trong những đối tượng sau:

- Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.
- Tốt nghiệp trình độ thạc sĩ thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

3. Thời gian và hình thức đào tạo:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người tốt nghiệp trình độ đại học được thực hiện trong 04 năm (48 tháng). Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài nhưng tối đa là 06 năm (72 tháng)

b) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ được thực hiện trong 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài nhưng tối đa là 06 năm (72 tháng).

c) Hình thức đào tạo: Chính qui.

4. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Về văn bằng:

a) Đối với người chưa tốt nghiệp trình độ thạc sĩ: khi dự tuyển phải có giấy chứng nhận hoặc bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên; ngành tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

b) Đối với người đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ: khi dự tuyển phải có giấy chứng nhận hoặc bằng tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

c) Đối với văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ứng viên dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

5.2. Về đề cương nghiên cứu:

Nội dung đề cương phải trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng lĩnh vực nghiên cứu; ngành và mã số ngành đào tạo; lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu; mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; lý do chọn cơ sở đào tạo; kết cấu và đề cương sơ bộ của đề tài; dự kiến đóng góp mới của đề tài nghiên cứu; khái quát những chuẩn bị của thí sinh để thực hiện dự định nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trong chương trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học.

5.3. Về thư giới thiệu:

Có ít nhất một thư giới thiệu của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (ít nhất 06 tháng) và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

5.4. Về bài báo khoa học:

Là tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành kinh tế có phân biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5.5. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 04 của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5.6. Về kinh nghiệm nghiên cứu và thâm niên công tác:

a) Đối với người chưa tốt nghiệp trình độ thạc sĩ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên được tham gia dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;

- Trường hợp thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (cơ sở đào tạo nước ngoài phải trong Top 500 trường Đại học tốt nhất trên thế giới, do tổ chức Times Higher Education của Vương Quốc Anh xếp hạng hàng năm) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Đối với người đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ:

- Có điểm bình quân các học phần từ 7,0 trở lên được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;

- Có điểm bình quân các học phần dưới 7,0 phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự tuyển, kể từ khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trường hợp thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (cơ sở đào tạo nước ngoài phải trong Top 500 trường Đại học tốt nhất trên thế giới, do tổ chức Times Higher Education của Vương Quốc Anh xếp hạng hàng năm) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

c) Đối với giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ phải có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên.

5.7. Công văn cử đi dự tuyển:

Thí sinh đăng ký dự tuyển phải có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

5.8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính:

Thí sinh trúng tuyển phải cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Hồ sơ dự tuyển:

6.1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a) Đơn xin dự tuyển.
- b) Lý lịch khoa học.
- c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).
- d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học.
- đ) Đề cương nghiên cứu theo mẫu của Học viện Tài chính.
- e) Thư giới thiệu của các nhà khoa học.
- g) Công văn cử đi dự tuyển.
- h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Học viện Tài chính.

6.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

7. Kế hoạch tuyển sinh:

7.1. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Mỗi thí sinh đăng ký xét tuyển phải nộp 02 bộ hồ sơ theo qui định, hồ sơ được phát hành tại khoa Sau đại học – Học viện Tài chính (phòng 305), 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội (địa chỉ cũ 53E Phan Phù Tiên, Đống Đa, Hà Nội). Khoa sau đại học chỉ nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển theo mẫu do Học viện Tài chính phát hành tại kỳ xét tuyển đợt 02 năm 2021.

Thời gian phát hành hồ sơ	Từ 03/10/2022 đến 18/12/2022	Tại khoa Sau đại học
Thời gian nhận hồ sơ	Từ 21/11/2022 đến 18/12/2022	Học viện Tài chính (phòng 305)

7.2. Thời gian và địa điểm xét tuyển:

Thời gian xét tuyển	Dự kiến các ngày 24/12/2022 và 25/12/2022
Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo - Quận Đống Đa - Hà Nội)

7.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học:

Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 30/12/2022 đến ngày 31/12/2022
Nhập học	Dự kiến từ ngày 07/01/2023 đến ngày 08/01/2023
Khai giảng	Dự kiến từ ngày 14/01/2023 đến ngày 15/01/2023

8. Học phí: Dự kiến 1.500.000 đồng/01 tín chỉ.


Ghi chú:

- Chuyên ngành, ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 của Thông báo này.


- Danh mục hướng nghiên cứu thuộc các ngành đào tạo tiến sĩ xem tại Phụ lục 02 của Thông báo này.

- Danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 03 của Thông báo này.

- Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài xem tại Phụ lục 04 của Thông báo này.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: *Nguyễn Quang Hưng*, ĐT: 0936.331.323; *Chu Tuấn Anh*, ĐT: 0973.702.468 hoặc xem trên Website: www.hvtc.edu.vn; www.sdh-aof.edu.vn, bảng tin Khoa Sau đại học – Học viện Tài chính, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ TC (để báo cáo);
- Các Bộ, Ngành, Tập đoàn, TCTy;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Ban GD, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Lưu VT, khoa SDH. (6b) 

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Cơ

PHỤ LỤC 01
NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP VỚI NGÀNH
ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp trình độ thạc sĩ
1	Tài chính – Ngân hàng		
1.1	<i>Ngành, chuyên ngành đúng</i>	Ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.	Ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.
1.2	<i>Ngành, chuyên ngành phù hợp</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Kế toán, Kiểm toán, Bảo hiểm của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác. - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế các ngành (công nghiệp, nông nghiệp...). - Các ngành Hậu cần quân sự về tài chính; Hậu cần công an nhân dân về tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, ngành Bảo hiểm, ngành Tài chính và Thương mại quốc tế, ngành Tài chính và Đầu tư, ngành Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác. - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế các ngành (công nghiệp, nông nghiệp...). - Ngành Hậu cần quân sự về tài chính; ngành Hậu cần công an nhân dân về tài chính
2.	Kế toán		
2.1	<i>Ngành, chuyên ngành đúng</i>	Ngành Kế toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác	Chuyên ngành Kế toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.
2.2	<i>Ngành, chuyên ngành phù hợp</i>	- Ngành Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kiểm toán của Học viện Tài chính và các trường đại học, học viện khác.	- Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Bảo hiểm, ngành Tài chính và Thương mại quốc tế, ngành Tài chính và Đầu tư, ngành

		<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Các ngành: Hậu cần quân sự về tài chính; Hậu cần công an nhân dân về tài chính. 	<p>Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị của Học viện Tài chính và các trường đại học, Học viện khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành: Kinh doanh; Quản trị - Quản lý. - Ngành Hậu cần quân sự về tài chính; ngành Hậu cần công an nhân dân về tài chính
--	--	--	---

Ch

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU THEO NGÀNH

I. NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

TT	DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU
1	<p>Tài chính – Ngân sách:</p> <p>Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hoặc ngân sách địa phương; Quản lý chi ngân sách, quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước, quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của một cấp ngân sách nhà nước hoặc một địa phương; Quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả; Quản lý đầu tư công; Hợp tác công tư (PPP); Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công.</p> <p>Cơ cấu thu, cơ cấu chi ngân sách nhà nước hoặc ngân sách ở một địa phương; Bội chi ngân sách nhà nước hoặc bội chi ngân sách địa phương; Tín dụng nhà nước; Quản lý nợ công.</p> <p>Tài chính công với an sinh xã hội (hỗ trợ thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...); Tài chính công với bảo vệ môi trường; Tài chính công với giảm nghèo; Tài chính công với biến đổi khí hậu; Tài chính công với phát triển một ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội ở một địa phương.</p> <p>Quản lý tài chính đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc một lĩnh vực; Quản trị tài chính ở cơ quan nhà nước hoặc ở đơn vị sự nghiệp công lập thuộc một lĩnh vực; Xã hội hóa dịch vụ công và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công.</p> <p>Quản lý tài chính một chương trình mục tiêu quốc gia hoặc một chương trình mục tiêu.</p> <p>Quản lý quỹ ngoài ngân sách (BHXH, BHYT...) hoặc quản lý tài chính BHXH, BHYT, BHTN...</p> <p>Tài chính công với phát triển các khu công nghiệp, cụm khu công nghiệp...</p> <p>Quản lý tài sản công ở một ngành, lĩnh vực hoặc ở một địa phương.</p> <p>Kế hoạch tài chính ngân sách trung hạn; Kế hoạch đầu tư công trung hạn; Đánh giá trong quản lý tài chính công.</p> <p>Kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua KBNN; Quản lý ngân quỹ nhà nước; Các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tài chính công.</p> <p>Giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một địa phương.</p>
2	<p>Thuế:</p> <p>Chính sách thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; Cân bằng chức năng thu NSNN và điều tiết kinh tế vĩ mô của thuế trong điều kiện hiện nay; Hoàn thiện hệ thống thuế nhằm thực hiện chiến lược Tài chính Việt Nam; Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất và quyền sử dụng đất ở Việt Nam; Hoàn thiện chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam; Chính sách thuế đối với phát triển khoa học công nghệ; Trốn thuế, tránh thuế trong nền kinh tế toàn cầu ở Việt Nam; Chống chuyển giá; Hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam; Tác động của các chính sách thuế tới phát triển kinh tế và định hướng đổi mới; Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp; Quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Cải cách</p>

	<p>hành chính thuế nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; Hiện đại hóa quản lý thuế; Thanh tra kiểm tra thuế; Cải tiến tổ chức bộ máy ngành thuế, hải quan nhằm tăng cường quản lý thuế; Nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế; Phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam; Hoàn thiện cơ chế và quy trình quản lý thuế ở Việt Nam; Giải pháp thuế thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam Mở rộng cơ sở thuế ở Việt Nam; Sử dụng chính sách thuế thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế ở Việt Nam; Sử dụng chính sách thuế thúc đẩy phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam; Chính sách thuế thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam.</p>
3	<p>Nghiệp vụ Hải quan:</p> <p>Đánh giá hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam hiện nay; Quản lý Nhà nước về hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất ở Việt Nam hiện nay; Quản lý Nhà nước về hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam; Tăng cường cơ chế phối hợp trong quản lý Nhà nước về hải quan ở Việt Nam hiện nay; Giải pháp nâng cao năng lực kiểm tra hải quan của Hải quan Việt Nam; Giải pháp chống chuyển giá qua hàng nhập khẩu đầu tư; Giải pháp tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hải quan; Giải pháp tăng cường thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia; Giải pháp tăng cường quản lý tuân thủ doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong kiểm tra hải quan; Tăng cường kiểm soát biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam; Giải pháp tăng cường tính liêm chính của Hải quan Việt nam; Áp dụng C/O in đi ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp; Giải pháp phân loại, áp mã hàng hóa nhập khẩu chính xác, thống nhất; Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam; Xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay; Phát triển dịch vụ Logistic và chuỗi cung ứng ở Việt Nam; Phát triển dịch vụ giao nhận và vận tải quốc tế ở Việt Nam; Tác động của quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với hoạt động XK của ngành dệt may VN (đối với ngành giày da VN); Đánh giá tác động của chính sách thuế tới hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam; Tác động của rào cản phi thuế quan tới hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan;</p>
4	<p>Tài chính quốc tế:</p> <p>Tăng cường khai thác, huy động vốn vay nước ngoài (phát hành trái phiếu quốc tế, ODA..); Nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương, lĩnh vực, khu kinh tế.; Quản lý sử dụng vốn FDI các địa phương, lĩnh vực, khu kinh tế.; Quản lý sử dụng vốn vay nước ngoài (cho vay lại, đẩy nhanh tiến độ giải ngân..); Thuế quốc tế (thuế trùng ..); Tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá; Vốn đầu tư nước ngoài cho lĩnh vực vui chơi có thưởng; Mô hình đầu tư cho Cơ sở hạ tầng; Nguồn vốn đầu tư cho đặc khu kinh tế; Quản lý rủi ro đối với lĩnh vực tiếp nhận vốn FDI;</p>
5	<p>Tài chính doanh nghiệp:</p> <p>Giải pháp tài chính nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành X (may mặc, rượu bia nước giải khát, ..); Giải pháp tài chính phát triển bền vững các doanh nghiệp ngành X (...); Giải pháp xử lý nợ xấu trong các doanh nghiệp niêm yết ngành X (...); Hoàn thiện cơ chế</p>

giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; Quản trị dòng tiền tại Tập đoàn kinh tế X; Sử dụng công cụ tài chính phái sinh trong phòng ngừa rủi ro của doanh nghiệp; Tác động của chính sách cổ tức tới giá cổ phiếu của các công ty cổ phần niêm yết trên TTCK Việt Nam.; Giải pháp đảm bảo an ninh tài chính trong các doanh nghiệp ngành xây dựng Việt Nam; Vấn đề minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán ở VN; Giải pháp tăng cường quản lý công nợ tại Tập đoàn kinh tế X; Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tài chính tại Tập đoàn kinh tế X.

Quản trị tài chính của doanh nghiệp/ ngành/ Tập đoàn X trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; Huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi trong các DN ngành X; Kế hoạch tài chính trong các DN ngành X; Giá trị DN và vấn đề xác định giá trị DN (trong CPH, trong thoái vốn...); Ứng dụng fintech nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngành X; Vấn đề tài chính trong hoạt động M&A của doanh nghiệp ngành X; Huy động vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp/trái phiếu xanh/cổ phiếu xanh đáp ứng nhu cầu đầu tư tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp ngành X; Cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần ngành X ; Cấu trúc tài chính của các công ty cổ phần ngành X; Quản trị rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả hoạt động của các công ty cổ phần niêm yết ngành X; Tác động của việc sử dụng đòn bẩy tài chính đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa chính sách tài chính với sự tăng trưởng của doanh nghiệp ngành X; Mối quan hệ giữa sử dụng đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành X; Cấu trúc sở hữu và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngành X; Cơ cấu nguồn vốn và giá trị doanh nghiệp ngành X; Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị các khoản phải thu của các DN thuộc nhóm ngành X; Ảnh hưởng của các quyết định tài chính đến giá trị doanh nghiệp ngành X; Mua bán, sáp nhập hợp nhất; Chính sách cổ tức và biến động giá cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc ngành X; Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của các doanh nghiệp thuộc ngành X; Tái cấu trúc tài chính và hoạt động M&A của doanh nghiệp thu tóm; Ứng dụng mô hình hồi quy ngưỡng trong nghiên cứu tác động của nợ vay đến giá trị doanh nghiệp ngành X...

6 Ngân hàng:

Nợ xấu của, Nợ quá hạn các NHTM – Những vấn đề đặt ra; Hoạt động ngân hàng với thị trường bất động sản; Phát triển các công cụ phái sinh trong phòng chống rủi ro của các NHTM; Đổi mới quản trị ngân hàng theo thông lệ quốc tế - Vận dụng các chuẩn mực theo Basel 1, Basel 2, Basel 3; Xu hướng tái cấu trúc hệ thống NH ở Việt Nam; Xu hướng phát triển các dịch vụ ngân hàng trong điều kiện tự do hóa tiền tệ theo lộ trình vận dụng thông lệ của WTO; Vấn đề sở hữu chéo trong quá trình tái cấu trúc hệ thống NH ở Việt Nam.

7 Định giá TS và kinh doanh BDS:

Quy trình và phương pháp thẩm định giá lợi thế thương mại; Quy trình và phương pháp thẩm định giá tài sản vô hình; Quy trình và phương pháp thẩm định giá thương hiệu doanh nghiệp; Vận dụng các mô hình toán kinh tế trong công tác thẩm định giá; Thẩm định giá đất đai trong công tác giải phóng mặt bằng ở Việt Nam; Đánh giá rủi ro của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bất động sản; Xây dựng hệ thống định mức chi phí trong công tác thẩm định giá; Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; Giải pháp tài chính quản lý thị trường bất động sản ở Việt Nam; Giải pháp tài chính hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp.

8	<p>Phân tích tài chính:</p> <p>- Vận dụng và hoàn thiện các mô hình phân tích định lượng như: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tài chính của đơn vị (DN, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty Bảo hiểm..., theo địa bàn...) hoặc Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả, rủi ro, tăng trưởng, phát triển bền vững của các DN, Tập đoàn kinh tế, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp... (theo quy mô, ngành, địa bàn, thành phần kinh tế...), Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát thu, chi Ngân sách nhà nước tại địa bàn X..Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến giám sát tài chính tại các đơn vị sử dụng vốn nhà nước (ngành, địa phương)...phục vụ các chủ thể quản lý, nhà nghiên cứu độc lập, các bên liên quan...</p> <p>- Các nghiên cứu ứng dụng PTTC: Phân tích tại các đơn vị (doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, công ty chứng khoán; công ty Bảo hiểm ; ở địa phương...; theo hình thức sở hữu...).Phân tích tài chính tại các đơn vị (DN; Tổ chức TD; đơn vị sự nghiệp....(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích báo cáo tài chính tại các đơn vị (DN, Tổ chức tín dụng; công ty chứng khoán, đơn vị sự nghiệp....(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...). Phân tích rủi ro tài chính. Phân tích hiệu quả hoạt động; Phân tích hiệu quả kinh doanh. Phân tích tình hình tăng trưởng. Phân tích tiềm lực tài chính... của các đơn vị(trên địa bàn...thuộc ngành.....theo hình thức sở hữu...) nhằm tư vấn cho các nhà quản trị đơn vị (DN; Ngân hàng, công ty BH..... cải thiện tình hình tài chính.... Phân tích hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong các lĩnh vực, ngành : (Phát triển khoa học công nghệ; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ/ đường thủy/hàng không trên địa bàn tỉnh / khu vực; giáo dục, đào tạo (mầm non, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, dạy nghề, đại học theo mô hình (công lập/ dân lập) trên địa bàn tỉnh/ khu vực; phát triển văn hóa/ thể thao theo mô hình (công lập/ dân lập) trên địa bàn tỉnh/ khu vực; phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh/ khu vực. ...Phân tích hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách xã, phường trên địa bàn tỉnh/ khu vực.... Giám sát tài chính các khu vực của hệ thống tài chính (NSNN, Các trung gian tài chính, thị trường tài chính, doanh nghiệp....)</p>
9	<p>Kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính:</p> <p>Tăng cường năng lực hoạt động kiểm tra, giám sát thị trường chứng khoán Việt Nam; Phát triển dịch vụ tín dụng chứng khoán ở Việt Nam; Phát triển dịch vụ chứng khoán mới ở Việt Nam; Tăng cường năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán Việt Nam; Xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán phái sinh ở Việt Nam; Ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô đến hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam; Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, giám sát thị trường tài chính Việt Nam; Phát triển các định chế đầu tư tài chính trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam; Nâng cao hiệu quả hoạt động thị trường tài chính Việt Nam.</p>
10	<p>Tài chính Bảo hiểm:</p> <p>Phát triển hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam ra thị trường khu vực Đông Nam Á, trong điều kiện gia nhập CPTPP và EVFTA, ứng dụng công nghệ 4.0; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng ASSURTECH, đến sự hài lòng của khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam; Phát triển các dịch vụ bảo hiểm mới, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm liên kết đầu tư,... tại Việt Nam; Quản lý các kênh phân phối bảo hiểm, bán bảo hiểm online; Quản lý Tổng đại lý bảo hiểm nhân thọ; Xử lý tranh</p>

	chấp trong bảo hiểm; Áp dụng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro (RBC) tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; Phát triển hoạt động bảo hiểm xã hội tự nguyện; Quản lý hoạt động bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; Nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả hoạt động, hoạt động đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp bảo hiểm; hoàn thiện phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, định phí bảo hiểm,...
--	--

II. NGÀNH: KẾ TOÁN

TT	DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU
1	<p>Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu về lý luận: Mô hình kế toán, các nguyên tắc kế toán, các vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức kế toán các phần hành, tổ chức lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất... - Các nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp lý về kế toán như: Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nói chung và chế độ kế toán cho các loại hình doanh nghiệp đặc thù... - Các nghiên cứu ứng dụng: hoàn thiện các vấn đề về tổ chức công tác kế toán; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; kế toán các phần hành; tổ chức kế toán các phần hành; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, lập các báo cáo (báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị) hoặc các bộ phận của báo cáo; ...cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, hoạt động trên các địa bàn khác nhau, tính chất sở hữu khác nhau.... - Các nghiên cứu về việc sử dụng công cụ kế toán để phục vụ các mục đích: nâng cao hiệu quả hoạt động hiệu quả kinh doanh, công các quản trị doanh nghiệp, phục vụ các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ thuế, phục vụ công tác kiểm toán....trong các doanh nghiệp hoặc cho các cơ quan quản lý chức năng. - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán; trong kế toán; - Nghiên cứu ứng dụng các mô hình nghiên cứu theo phương pháp định lượng trong kế toán tài chính và kế toán quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động hiệu quả kinh doanh, công các quản trị doanh nghiệp, phục vụ các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ thuế, phục vụ công tác kiểm toán.... trong các doanh nghiệp hoặc cho các cơ quan quản lý chức năng. - Nghiên cứu các kế toán như kế toán trách nhiệm, kế toán trách nhiệm xã hội; kế toán môi trường, kế toán xanh, kế toán nguồn nhân lực, kế toán quản trị chiến lược...
2	<p>Kiểm toán:</p> <p>* Kiểm toán hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay:</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp, tổ chức kiểm toán hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 (cho từng ngành nghề, từng lĩnh vực hoạt động, ở phạm vi vĩ mô, Phạm vi vi mô); Kiểm toán viên hoạt động và qui trình đào tạo kiểm toán viên hoạt động trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay; Kiểm soát chất lượng kiểm toán hoạt động, xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán hoạt động; Kiểm toán hoạt động Việt nam trong điều kiện hội nhập, cơ hội, thử thách và giải pháp phát triển kiểm toán hoạt động tại Việt nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay; đặc biệt là các lĩnh vực kiểm toán môi trường, kiểm toán liên kết, đánh</p>

	<p>giá sự hoạt động ổn định và bền vững của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>* Kiểm toán tuân thủ, nội dung, qui trình và phương pháp kiểm toán. Giải pháp triển khai thực hiện và phát triển kiểm toán tuân thủ ở Việt nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.</p> <p>* Kiểm toán báo cáo tài chính:</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính cho từng loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh.... Trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0; Hoàn thiện qui trình kiểm soát chất lượng hoặc qui trình nghiên cứu đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán báo cáo tài chính cho từng ngành nghề công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản, ...; Tổ chức công tác kiểm toán báo cáo tài chính; Quy trình lập, phát hành và công bố báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>* Kiểm toán Nhà nước</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập, dự án, XDCB....; Kiểm soát chất lượng kiểm toán Nhà nước; Qui trình lập, phát hành và công bố báo cáo của kiểm toán Nhà nước trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0. Chuẩn mực kiểm toán Nhà nước trong mối quan hệ với chuẩn mực kiểm toán lĩnh vực doanh nghiệp ở Việt nam – Thực trạng và giải pháp; Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên Nhà nước trong mối quan hệ với đạo đức viên chức Nhà nước,</p> <p>* Kiểm toán nội bộ</p> <p>Nội dung, qui trình, phương pháp kiểm toán nội bộ; Tổ chức kiểm toán nội bộ ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 đặc biệt theo tinh thần nghị định 105 ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về kiểm toán nội bộ; Kiểm soát chất lượng kiểm toán nội bộ; Qui trình nghiên cứu, đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát trong kiểm toán nội bộ; Khuôn khổ pháp lý về kiểm toán nội bộ ở Việt nam – Thực trạng và giải pháp; Lập, phát hành và công bố báo cáo kiểm toán nội bộ trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.</p> <p>* Kiểm toán độc lập</p> <p>Khuôn khổ pháp lý về kiểm toán độc lập; Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức kiểm toán độc lập Việt nam; Hoàn thiện cơ chế kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập Việt nam; Hoàn thiện qui trình đánh giá trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức kiểm toán độc lập; Hoàn thiện qui trình nghiên cứu đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ trong kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức kiểm toán độc lập cho lĩnh vực giao thông, xây dựng cơ bản, khai thác,....</p>
3	<p>Phân tích tài chính:</p> <p>-Hoàn thiện các khía cạnh về tổ chức công tác PTTC tại các đơn vị (doanh nghiệp, tập đoàn, đơn vị sự nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, tổ chức tín dụng, Công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán...) hoạt động trên các địa bàn khác nhau, hình thức sở hữu khác nhau.... như:</p>

- + Hoàn thiện nội dung phân tích tài chính tại các đơn vị (Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, đơn vị sự nghiệp (Theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn hoạt động...))
- + Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại các đơn vị (Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, đơn vị sự nghiệp (Theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn hoạt động...)) phục vụ quản trị; phục vụ đầu tư; phục vụ giám sát tài chính....
- + Hoàn thiện nội dung và phương pháp phân tích tài chính tại các Tập đoàn kinh tế (theo thành phần kinh tế, lĩnh vực kinh doanh..)
- + Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại các đơn vị (DN, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp, công ty bảo hiểm...) phục vụ quản trị tài chính tại đơn vị (doanh nghiệp, tổ chức TD; đơn vị sự nghiệp công ty Bảo hiểm...)
- + Hoàn thiện tổ chức phân tích tài chính tại các đơn vị (DN, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán...)
- + Hoàn thiện phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh đơn vị (DN, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán...)
- + Hoàn thiện phân tích chất lượng hoạt động tại các đơn vị (doanh nghiệp, NHTM...) trên địa bàn tỉnh
- + Hoàn thiện phân tích tài chính tại các đơn vị (doanh nghiệp, NHTM, công ty chứng khoán, công ty Bảo hiểm, đơn vị sự nghiệp...) phục vụ giám sát tài chính, thanh tra, kiểm tra tài chính, thuế, xếp hạng tín dụng..... ở Việt Nam
- + Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp PTTC...
- Hoàn thiện giám sát tài chính các khu vực của hệ thống tài chính (NSNN, Các trung gian tài chính, thị trường tài chính, doanh nghiệp)

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH CÁN BỘ CƠ HỮU THAM GIA HƯỚNG DẪN
NGHIÊN CỨU SINH TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH THEO NGÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM, HỌC VỊ	NGÀNH
1.	Nguyễn Trọng Cơ	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
2.	Nguyễn Văn Dân	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
3.	Vũ Duy Vĩnh	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
4.	Nguyễn Lê Cường	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
5.	Vương Thị Thu Hiền	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
6.	Ngô Thanh Hoàng	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
7.	Nguyễn Trọng Thân	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
8.	Hà Minh Sơn	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
9.	Hoàng Mạnh Cừ	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
10.	Phạm Thị Thanh Hòa	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
11.	Trần Xuân Hải	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
12.	Nguyễn Thị Thương Huyền	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
13.	Nguyễn Xuân Thạch	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
14.	Nguyễn Thị Thanh Hoài	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
15.	Nguyễn Tiến Thuận	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
16.	Lê Xuân Trường	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
17.	Bùi Đường Nghiêu	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
18.	Nguyễn Thị Hà	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
19.	Vũ Sĩ Cường	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
20.	Đoàn Hương Quỳnh	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
21.	Vũ Duy Nguyên	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
22.	Nguyễn Thị Kim Oanh	TS	Tài chính - Ngân hàng
23.	Ngô Đức Tiến	TS	Tài chính - Ngân hàng
24.	Nguyễn Xuân Điền	TS	Tài chính - Ngân hàng
25.	Lương Thu Thủy	TS	Tài chính - Ngân hàng
26.	Trần Đức Trung	TS	Tài chính - Ngân hàng
27.	Nguyễn Hồ Phi Hà	TS	Tài chính - Ngân hàng
28.	Trần Phương Anh	TS	Tài chính - Ngân hàng
29.	Nguyễn Thị Việt Nga	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
30.	Nguyễn Thị Thanh	TS	Tài chính - Ngân hàng
31.	Bạch Thị Thanh Hà	TS	Tài chính - Ngân hàng

32.	Nghiêm Văn Bảy	TS	Tài chính - Ngân hàng
33.	Phạm Thị Vân Anh	TS	Tài chính - Ngân hàng
34.	Phạm Ngọc Dũng	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
35.	Đỗ Đình Thu	TS	Tài chính - Ngân hàng
36.	Lê Thu Huyền	TS	Tài chính - Ngân hàng
37.	Nguyễn Thuý Linh	TS	Tài chính - Ngân hàng
38.	Bùi Tiến Hanh	TS	Tài chính - Ngân hàng
39.	Hoàng Thị Thuý Nguyệt	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
40.	Võ Thị Phương Lan	TS	Tài chính - Ngân hàng
41.	Phạm Thị Hoàng Phương	TS	Tài chính - Ngân hàng
42.	Lý Phương Duyên	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
43.	Nguyễn Đình Chiến	TS	Tài chính - Ngân hàng
44.	Nguyễn Thị Minh Hằng	TS	Tài chính - Ngân hàng
45.	Tôn Thu Hiền	TS	Tài chính - Ngân hàng
46.	Phạm Thị Bích Ngọc	TS	Tài chính - Ngân hàng
47.	Bùi Văn Vần	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
48.	Vũ Văn Ninh	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
49.	Đặng Phương Mai	TS	Tài chính - Ngân hàng
50.	Nguyễn Thị Bảo Hiền	TS	Tài chính - Ngân hàng
51.	Vũ Quốc Dũng	TS	Tài chính - Ngân hàng
52.	Đoàn Minh Phụng	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
53.	Hoàng Văn Quỳnh	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
54.	Đinh Trọng Thịnh	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
55.	Nghiêm Thị Thà	PGS,TS	Tài chính - Ngân hàng
56.	Phạm Thị Quyên	TS	Tài chính - Ngân hàng
57.	Hồ Thị Thu Hương	TS	Tài chính - Ngân hàng
58.	Nguyễn Trọng Cơ	PGS,TS	Kế toán
59.	Nguyễn Đình Đỗ	GS,TS	Kế toán
60.	Chúc Anh Tú	GS,TS	Kế toán
61.	Ngô Thị Thu Hồng	PGS,TS	Kế toán
62.	Nguyễn Mạnh Thiều	PGS,TS	Kế toán
63.	Trần Văn Hợi	PGS,TS	Kế toán
64.	Phạm Tiến Hưng	PGS,TS	Kế toán
65.	Đào Thị Minh Thanh	PGS,TS	Kế toán
66.	Lê Văn Liên	TS	Kế toán
67.	Mai Ngọc Anh	PGS,TS	Kế toán

68.	Lý Lan Yên	TS	Kế toán
69.	Trần Thị Ngọc Hân	TS	Kế toán
70.	Nguyễn Tuấn Anh	TS	Kế toán
71.	Nguyễn Thị Thanh	TS	Kế toán
72.	Ngô Thế Chi	GS,TS	Kế toán
73.	Trương Thị Thuý	PGS,TS	Kế toán
74.	Nguyễn Vũ Việt	PGS,TS	Kế toán
75.	Thái Bá Công	TS	Kế toán
76.	Thịnh Văn Vinh	PGS,TS	Kế toán
77.	Phạm Thị Kim Vân	PGS,TS	Kế toán
78.	Bùi Thị Thu Hương	TS	Kế toán
79.	Nguyễn Thu Hoài	TS	Kế toán
80.	Nguyễn Đào Tùng	TS	Kế toán
81.	Đỗ Thị Thục	TS	Kế toán
82.	Lê Thị Diệu Linh	TS	Kế toán
83.	Nguyễn Thị Ngọc Thạch	TS	Kế toán
84.	Nguy Thu Hiền	TS	Kế toán
85.	Nguyễn Quang Hưng	TS	Kế toán
86.	Vũ Thùy Linh	TS	Kế toán
87.	Bùi Thị Hằng	TS	Kế toán
88.	Vũ Thị Phương Liên	TS	Kế toán
89.	Đỗ Minh Thoa	TS	Kế toán
90.	Đỗ Thị Thoa	TS	Kế toán
91.	Nghiêm Thị Thà	PGS,TS	Kế toán
92.	Phạm Thị Quyên	TS	Kế toán
93.	Hồ Thị Thu Hương	TS	Kế toán

PHỤ LỤC 04

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên